

Bản án số: 136/2024/HNGĐ-ST

Ngày 28/8/2024

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Kiều Thị Uyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Tú Nhi;
2. Bà Hoàng Lệ Chi.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Hồng Sơn - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hạnh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 356/2024/HNGĐ-ST ngày 29 tháng 7 năm 2024 về việc Tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 209/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Ngô Thị Mỹ H**, sinh năm 1984; địa chỉ: **B khu phố T, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương**. Có mặt.

- Bị đơn: Anh **Lê Tấn T**, sinh năm 1982; địa chỉ: **B khu phố T, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương**. Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 23 tháng 7 năm 2024, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị **Ngô Thị Mỹ H** trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị **Ngô Thị Mỹ H** và anh **Lê Tấn T** kết hôn với nhau từ năm 2007 theo Giấy chứng nhận kết hôn số: 26/2007 quyền số: 01 do

Ủy ban nhân dân xã (nay là phường) T, huyện (nay là thành phố) D, tỉnh Bình Dương cấp ngày 11/4/2007. Sau khi kết hôn, chị Ngô Thị Mỹ H và anh Lê Tấn T sống chung hạnh phúc được một thời gian. Sau đó, giữa chị Ngô Thị Mỹ H và anh Lê Tấn T bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do chị Ngô Thị Mỹ H và anh Lê Tấn T không hợp nhau về quan điểm sống, thường xuyên cãi vã, vợ chồng không có sự chia sẻ, không tìm được tiếng nói chung để chăm lo cho gia đình, anh Lê Tấn T thường xuyên có hành vi bạo lực với chị Ngô Thị Mỹ H. Do anh T đánh chị H nên chị H đã cùng các con ở nơi khác từ tháng 3/2023 cho đến nay. Chị Ngô Thị Mỹ H xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh Lê Tấn T không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị Ngô Thị Mỹ H yêu cầu được ly hôn với anh Lê Tấn T.

- Về con chung: Quá trình chung sống chị Ngô Thị Mỹ H và anh Lê Tấn T có 02 con chung tên là Lê Minh H1, sinh ngày 30/12/2007 và Lê Minh H2, sinh ngày 15/4/2017. Sau khi ly hôn, chị Ngô Thị Mỹ H yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung Lê Minh H1 và Lê Minh H2 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Chị Ngô Thị Mỹ H không yêu cầu anh Lê Tấn T thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung Lê Minh H1 và Lê Minh H2.

- Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản (nợ chung): Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Lê Tấn T vắng mặt tại phiên tòa nhưng tại biên bản lấy lời khai ngày 13/8/2024, anh Lê Tấn T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Tấn T và chị Ngô Thị Mỹ H trước khi kết hôn có thời gian tìm hiểu nhau hơn 02 năm thì tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và được 02 bên gia đình chấp nhận, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện D (nay là phường T, thành phố D), tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận kết hôn số 26/2007, quyển số 01 ngày 11/4/2007. Sau khi kết hôn anh Lê Tấn T và chị Ngô Thị Mỹ H sinh sống tại thành phố D, tỉnh Bình Dương cho đến nay. Trong cuộc sống vợ chồng hạnh phúc, tuy nhiên cũng có những mâu thuẫn, nhưng chỉ là mâu thuẫn nhỏ, khi vợ chồng mâu thuẫn thì anh Lê Tấn T có cố gắng trao đổi với chị H nhưng chị H không nghe, anh Lê Tấn T xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn nên không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị Ngô Thị Mỹ H. Khi vợ chồng mâu thuẫn nhỏ, chị Ngô Thị Mỹ H đã dẫn 02 con đi ở nơi khác sinh sống từ đầu năm 2024 cho đến nay. Khi chị H đưa 02 bé đi nơi khác sinh sống đã ngăn cấm không cho anh Lê Tấn T gặp con.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, anh Lê Tấn T và chị Ngô Thị Mỹ H có 02 (hai) con chung là: Lê Minh H1, sinh ngày 30/12/2007 và cháu Lê Minh H2, sinh ngày 15/4/2017. Anh Lê Tấn T không đồng ý ly hôn, nhưng nếu Tòa án giải quyết cho vợ chồng ly hôn anh Lê Tấn T đồng ý giao 02 con chung cho chị Ngô Thị Mỹ H trực tiếp nuôi dưỡng, anh Lê Tấn T cấp dưỡng nuôi 02 cháu mỗi tháng 10.000.000 đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi nhưng chị H không được ngăn cản việc anh Lê Tấn T thăm nom, chăm sóc con.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản xác minh nguyên nhân mâu thuẫn giữa chị Ngô Thị Mỹ H và anh Lê Tấn T do Tòa án tiến hành, chính quyền địa phương cung cấp thông tin như sau: Chị Ngô Thị Mỹ H và anh Lê Tấn T trước khi nộp đơn khởi kiện xin ly hôn tại Tòa án không yêu cầu chính quyền địa phương tổ chức hòa giải cơ sở. Quá trình chung sống thực tế mâu thuẫn giữa hai vợ chồng, vấn đề chăm sóc, nuôi dạy con chung như thế nào chính quyền địa phương không nắm rõ vì không thấy đại diện khu phố, nhân dân phản ánh hay cung cấp thông tin gì, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Quá trình tố tụng, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn và bị đơn đã chấp hành và tuân theo pháp luật đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án, xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về việc vắng mặt của các đương sự: bị đơn anh Lê Tấn T có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Vì vậy, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Ngô Thị Mỹ H và anh Lê Tấn T là vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thị xã D (nay là thành phố D), tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận kết số 26/2007 ngày 11 tháng 4 năm 2007 nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp. Chị Ngô Thị Mỹ H cho rằng trong quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân vợ chồng không có sự chia sẻ, anh Lê Tấn T có hành vi bạo lực với chị Ngô Thị Mỹ H. Anh Lê Tấn T và chị Ngô Thị Mỹ H sống ly thân từ tháng 3/2023 cho đến nay. Anh Lê Tấn T xác định vợ chồng chỉ có những mâu thuẫn nhỏ, còn yêu thương vợ con nên không đồng ý ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy: Mục đích của hôn nhân là nhằm xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, hạnh phúc, để đạt được mục đích đó, vợ chồng phải thương yêu, quý trọng, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc nhau và tạo điều kiện cho nhau phát triển về mọi mặt. Xét quan hệ hôn nhân giữa anh Lê Tấn T và chị Ngô Thị Mỹ H không có sự chia sẻ, không quan tâm đến nhau, anh Lê Tấn T có hành vi bạo lực với chị Ngô Thị Mỹ H vì vậy mâu thuẫn giữa anh Lê Tấn T và chị Ngô Thị Mỹ H đã thực sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Tòa án đã tiến hành hòa giải để các đương sự quay về đoàn tụ, cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc và chăm lo con cái nhưng không đạt được kết quả điều này chứng tỏ tình cảm vợ chồng đã thực sự không còn và không muốn hàn gắn. Từ những phân tích nêu trên, xét thấy yêu cầu ly hôn của chị Ngô Thị Mỹ H là có cơ sở chấp nhận theo quy định Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Trong quá trình chung sống, chị **Ngô Thị Mỹ H** và anh **Lê Tấn T** có 02 con chung là cháu **Lê Minh H1**, sinh ngày 30/12/2007 và cháu **Lê Minh H2**, sinh ngày 15/4/2017. Sau khi ly hôn, chị **Ngô Thị Mỹ H** có yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung. Tuy nhiên, việc giao con cho ai nuôi dưỡng cần phải xem xét về mọi mặt của con chưa thành niên. Xét thấy, từ khi vợ chồng sống ly thân 02 con chung đang ở với chị **Ngô Thị Mỹ H** và do chị **H** trực tiếp chăm sóc vẫn đảm bảo tốt về mọi mặt, đồng thời tại đơn trình bày nguyện vọng 02 cháu muốn ở với mẹ là chị **Ngô Thị Mỹ H** vì vậy căn cứ theo quy định tại **Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình** có cơ sở chấp nhận yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung của chị **Ngô Thị Mỹ H**. Anh **Lê Tấn T** có quyền đi lại thăm nom con chung.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của anh **Lê Tấn T** về việc cấp dưỡng nuôi con chung tên **Lê Minh H1**, sinh ngày 30/12/2007, mỗi tháng 5.000.000 đồng và cấp dưỡng nuôi con chung tên **Lê Minh H2**, sinh ngày 15/4/2017, mỗi tháng 5.000.000 đồng. Thời hạn cấp dưỡng từ khi bản án có hiệu lực cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

[5] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về nghĩa vụ chung (nợ chung): Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[7] Từ những phân tích nêu trên xét thấy đề nghị của đại diện **Viện Kiểm nhân dân thành phố D**, tỉnh Bình Dương là có cơ sở chấp nhận.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị **Ngô Thị Mỹ H** phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật. Anh **Lê Tấn T** phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều **51, 56, 81, 82, 83** và Điều **84** của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào **khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39**, các Điều 147, 227, 228, 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27, **khoản 6 Điều 27** Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị **Ngô Thị Mỹ H** với bị đơn anh **Lê Tấn T**.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị **Ngô Thị Mỹ H** được ly hôn với anh **Lê Tấn T** (theo Giấy chứng nhận kết hôn số 26/2007, quyển số 01 do Ủy ban nhân

dân phường T, thị xã D (nay là thành phố D), tỉnh Bình Dương cấp ngày 11 tháng 4 năm 2007).

1.2. Về con chung: giao con chung tên Lê Minh H1, sinh ngày 30/12/2007 và Lê Minh H2, sinh ngày 15/4/2017 cho chị Ngô Thị Mỹ H trực tiếp nuôi dưỡng.

Sau ly hôn, chị Ngô Thị Mỹ H và anh Lê Tấn T đều có quyền chăm sóc, thăm nom, giáo dục con, không ai có quyền cản trở anh, chị thực hiện quyền này. Vì lợi ích về mọi mặt của con khi một hoặc cả hai bên đương sự có yêu cầu, Tòa án sẽ quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng.

1.3. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Lê Tấn T thực hiện cấp dưỡng nuôi con chung tên Lê Minh H1, sinh ngày 30/12/2007, mỗi tháng 5.000.000 (năm triệu) đồng và cấp dưỡng nuôi con chung tên Lê Minh H2, sinh ngày 15/4/2017, mỗi tháng 5.000.000 (năm triệu) đồng. Thời hạn cấp dưỡng từ khi bản án có hiệu lực cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm trả số tiền trên thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả cho người được thi hành án khoản tiền lãi theo mức lãi suất qui định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

1.4. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: các Đương sự không yêu cầu giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Ngô Thị Mỹ H phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn được khấu trừ hết vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0001310 ngày 26/7/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương. Anh Lê Tấn T phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

3. Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Dĩ An;
- Chi cục THADS thành phố Dĩ An;
- Đương sự;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Lưu: VP, HS.

Kiều Thị Uyên